

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày 29-9-2020

*“V/v tranh chấp Hợp  
đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thực

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Duy Phú
2. Ông Võ Xuân Nghi

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Tài - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 5 năm 2020 về “tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-DS, ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Ngân hàng TMCP B; địa chỉ: Tòa nhà C, 109 - T, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C - Giám đốc Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Bình

Người được ủy quyền lại: Bà Trương Nữ Linh C - Chuyên viên hỗ trợ hoạt động Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Bình (văn bản ủy quyền số 816/2019/UQ-LiênVietPostBank ngày 16/9/2019); địa chỉ: Số 375 - đường Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị M; địa chỉ: thôn P 1, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 08/9/2017, giữa Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Bình đã ký kết với bà Trương Thị M Hợp đồng tín dụng số HDTD453201779. Ngân hàng đã cho bà M vay với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ trả nợ vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 10/2017, được chia làm 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là 1.350.000 đồng và tiền lãi tương ứng vào ngày 08/9/2020, mục đích vay là để mua sắm nội thất gia đình.

Quá trình thực hiện Hợp đồng bà M đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 22.240.000 đồng và tiền lãi hàng tháng. Từ ngày 25/02/2019 đến nay, bà M đã không trả được nợ theo cam kết nên khoản vay đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để bà Trương Thị M thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng vẫn không có kết quả, bà Trương Thị M vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm cam kết.

Để thu hồi vốn, đại diện cho Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) là 34.447.884 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi là 6.687.884 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

*Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Trương Thị M trình bày:* Ngày 08/9/2017, giữa bà và Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Quảng Bình đã ký 01 Hợp đồng tín dụng số HDTD453201779, lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ trả nợ vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu trả nợ từ tháng 10/2017, được chia làm 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là 1.350.000 đồng vào ngày 08/9/2020, mục đích vay là để mua sắm nội thất gia đình. Sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân với tổng số tiền vay là 50.000.000 đồng.

Sau khi vay vốn và thực hiện Hợp đồng bà đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 22.240.000 đồng và tiền lãi hàng tháng. Nay Ngân hàng TMCP B đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) là 34.447.884 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi là 6.687.884 đồng và phải tiếp tục trả khoản

tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ thì bà cũng đồng ý khoản nợ vay đó nhưng bà cho rằng mình vay là cho bà Dương nên khi nào bà Dương trả cho bà thì bà sẽ trả cho Ngân hàng. Đồng thời do hoàn cảnh khó khăn nên bà không có khả năng trả nợ.

*\* Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã tuân theo pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B, buộc bị đơn bà Trương Thị M phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP B số tiền là 34.447.884 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) là 6.687.884 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 29/9/2020 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa Ngân hàng TMCP B với bà Trương Thị M đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích tiêu dùng cá nhân, gia đình, do bà Trương Thị M vi phạm nghĩa vụ trong Hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào ngày 08/9/2017, bà Trương Thị M đã ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD453201779 với Phòng giao dịch B Ngân hàng TMCP B chi nhánh Quảng Bình. Ngân hàng đã cho bà M vay với số tiền là 50.000.000 đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm tính trên tổng dư nợ gốc ban đầu, lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất nợ lãi chậm trả do hai bên thỏa thuận bằng 10%/năm, thời hạn vay 36 tháng, kỳ trả nợ vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu trả nợ

từ tháng 10/2017, được chia làm 36 kỳ trả nợ, 35 kỳ đầu mỗi kỳ thanh toán số tiền gốc là 1.390.000 đồng, kỳ cuối cùng thanh toán số tiền gốc là 1.350.000 đồng và tiền lãi tương ứng vào ngày 08/9/2020, mục đích vay là để mua sắm nội thất gia đình.

Như vậy, Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là Hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay bà Trương Thị M chỉ mới thanh toán được một khoản tiền gốc là 22.240.000 đồng và tiền lãi phát sinh tương ứng, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện để các bên thống nhất thỏa thuận phương án giải quyết vụ án, phương thức thanh toán khoản tiền nợ nhưng không có kết quả. Bị đơn bà Trương Thị M thừa nhận khoản tiền nợ vay nhưng không có phương thức trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) bà Trương Thị M còn nợ Ngân hàng TMCP B số tiền là 34.447.884 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi là 6.687.884 đồng.

Xét đề nghị của bà Trương Thị M khi cho rằng bà vay số tiền trên là vay cho bà Dương nên khi nào bà Dương trả nợ cho bà thì bà mới trả nợ cho Ngân hàng khoản tiền này, Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa Ngân hàng TMCP B với bà Trương Thị M đã giao kết Hợp đồng tín dụng, hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành. Như vậy, hợp đồng làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với hai bên là Ngân hàng và bà Trương Thị M, buộc các bên tham gia ký kết phải thực hiện hợp đồng. Theo Hợp đồng phía Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 50.000.000 đồng cho bà Trương Thị M và chính bà Trương Thị M là người đã trực tiếp ký nhận, nhận tiền từ Ngân hàng. Bà Trương Thị M cũng đã thừa nhận điều này. Đồng thời, bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh là bà Dương ký vay, nhận tiền từ Ngân hàng. Do vậy, việc bà M đưa ra đề nghị khi nào bà Dương trả nợ cho bà thì bà mới trả nợ cho Ngân hàng khoản tiền này là không phù hợp, không có căn cứ chấp nhận. Trong trường hợp bà Trương Thị M có vay tiền từ Ngân hàng rồi cho bà Dương vay lại thì bà M có quyền khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B yêu cầu bị đơn bà Trương Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B, buộc bị đơn bà Trương Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 34.447.884 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) là 6.687.884 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2020), bà Trương Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay” .

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn bà Trương Thị M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Trương Thị M.

Buộc bà Trương Thị M phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP B tổng số tiền nợ là 34.447.884 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 27.760.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/9/2020) là 6.687.884 đồng.

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (29/9/2020), bà Trương Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay” .

2. Về án phí:

2.1. Buộc bà Trương Thị M phải chịu 1.722.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách nhà nước.

2.2. Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 867.768 đồng theo biên lai thu số 0007362 ngày 21/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thực**